

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI DƯƠNG
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
QUÝ IV NĂM 2010

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	2 – 3
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	4
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	5
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	6 – 29

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)
Quý IV năm 2010
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU SỐ B 01-DN/HN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	31/12/2009
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		3,049,958,984,686	2,041,292,313,941
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	328,611,925,942	112,060,704,433
1. Tiền	111		71,611,925,942	86,960,704,433
2. Các khoản tương đương tiền	112		257,000,000,000	25,100,000,000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	643,274,457,578	620,843,489,200
1. Đầu tư ngắn hạn khác	121		680,936,030,040	627,908,811,900
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(37,661,572,462)	(7,065,322,700)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2,006,607,671,793	1,145,738,489,359
1. Phải thu khách hàng	131		78,675,640,946	147,024,715,814
2. Trả trước cho người bán	132	6	288,347,662,526	71,334,909,405
3. Các khoản phải thu khác	135	7	1,640,712,004,115	927,995,092,540
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(1,127,635,794)	(616,228,400)
IV. Hàng tồn kho	140		12,724,901,377	3,195,933,276
1. Hàng tồn kho	141		12,724,901,377	3,195,933,276
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		58,740,027,996	159,453,697,673
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2,948,806,696	1,971,282,102
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		39,693,542,187	3,239,324,940
3. Các khoản khác phải thu Nhà nước	154		18,408,405	937,561,856
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		16,079,270,708	153,305,528,775
B. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (200=210+220+250+260+269)	200		4,380,615,256,089	2,780,484,907,155
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1,928,043,702,717	1,270,711,108,327
1. Phải thu dài hạn khác	218	8	1,928,043,702,717	1,270,711,108,327
II. Tài sản cố định	220		608,567,099,068	373,996,009,813
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	24,988,646,942	12,781,950,627
- Nguyên giá	222		39,542,662,543	20,460,739,824
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(14,554,015,601)	(7,678,789,197)
2. Tài sản cố định vô hình	227		2,297,037,657	493,716,563
- Nguyên giá	228		3,548,897,250	1,019,429,250
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1,251,859,593)	(525,712,687)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10	581,281,414,469	360,720,342,623
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		1,438,203,942,905	697,556,090,483
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252	12	874,563,198,732	682,828,786,483
2. Đầu tư dài hạn khác	258	13	563,640,744,173	14,727,304,000
IV. Tài sản dài hạn khác	260		15,456,025,161	10,398,769,166
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	14	12,562,459,945	9,617,283,970
2. Tài sản dài hạn khác	268		2,893,565,216	781,485,196
V. Lợi thế thương mại	269	15	390,344,486,238	427,822,929,366
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		7,430,574,240,775	4,821,777,221,096

Các thuyết minh từ trang 6 đến trang 29 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU SỐ B 01A-DN/HN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	31/12/2009
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		3,512,362,906,380	2,541,689,638,065
I. Nợ ngắn hạn	310		2,703,530,109,035	2,063,540,673,214
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	16	402,393,851,431	577,970,747,044
2. Phải trả người bán	312		210,007,539,202	26,085,375,368
3. Người mua trả tiền trước	313		233,235,582,503	19,070,731,586
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	17	91,993,279,915	6,078,980,779
5. Phải trả người lao động	315		4,497,327,305	3,031,398,589
6. Chi phí phải trả	316		92,309,933,893	3,914,112,262
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	18	1,667,912,986,069	1,427,226,243,110
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		1,179,608,717	163,084,476
II. Nợ dài hạn	330		808,832,797,345	478,148,964,851
1. Phải trả dài hạn khác	333	19	13,292,555,991	307,100,946,660
2. Vay và nợ dài hạn	334	20	795,469,115,141	170,937,359,231
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
4. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		71,126,213	110,658,960
B. NGUỒN VỐN (400= 410+430)	400		3,412,121,927,000	2,028,923,275,446
I. Vốn chủ sở hữu	410	21	3,412,121,927,000	2,028,923,275,446
1. Vốn điều lệ	411		2,500,000,000,000	1,968,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		425,600,000,000	-
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		1,424,980,437	-
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		2,001,878,756	29,600,750
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		1,232,413,050	31,327,750
6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		1,715,767,309	96,000,000
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		480,146,887,448	60,766,346,946
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		506,089,407,394	251,164,307,585
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400+439)	440		7,430,574,240,775	4,821,777,221,096

Nguyễn Thanh Nhân
Kế toán

Hoàng Văn Tuyên
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Dung
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2011

Các thuyết minh từ trang 6 đến trang 29 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
(Dạng đầy đủ)
Quý IV năm 2010

MẪU SỐ B 02A-DN/HN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý IV/ 2010	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	Năm 2009
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	23	457,916,731,158	1,581,486,628,947	247,919,716,261
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	23	-	3,780,391,136	1,726,932,951
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		457,916,731,158	1,577,706,237,811	246,192,783,310
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	24	380,076,894,552	1,160,208,347,040	217,380,234,986
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		77,839,836,606	417,497,890,771	28,812,548,324
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	169,815,633,655	380,164,454,680	45,601,484,594
7. Chi phí tài chính	22	26	35,299,623,200	90,837,324,869	41,479,939,671
8. Chi phí bán hàng	24		6,880,851,196	16,946,976,419	5,837,439,133
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		26,957,557,821	84,775,892,738	25,593,754,523
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		178,517,438,044	605,102,151,425	1,502,899,591
11. Thu nhập khác	31		6,988,314,878	307,157,667,037	1,829,314,538
12. Chi phí khác	32		7,424,188,391	180,521,448,028	895,264,508
13. Lợi nhuận từ hoạt động khác (40=31-32)	40		(435,873,513)	126,636,219,009	934,050,030
14. Lợi nhuận trong công ty liên kết	45	12	24,226,014,835	73,250,298,033	45,464,553,353
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40+45)	50		202,307,579,366	804,988,668,467	47,901,502,974
16.1 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		57,739,354,967	201,900,626,988	5,007,320,244
16.2 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(3,989,677,566)	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế (60=50-51-52)	60		148,557,901,965	603,088,041,479	42,894,182,730
Trong đó:					
17.1. Lợi ích của cổ đông thiểu số	61		(6,121,511,500)	15,451,208,762	9,963,980,220
17.2. Lợi ích của cổ đông Công ty mẹ	62		154,679,413,465	587,636,832,717	32,930,202,510
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	28	619	2,351	985



Nguyễn Thanh Nhân
Kế toán



Hoàng Văn Tuyên
Kế toán trưởng


Nguyễn Thị Dung
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2011

Các thuyết minh từ trang 6 đến trang 29 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Quý IV năm 2010

MẪU SỐ B 03A-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	Năm 2009
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	804,988,668,467	47,901,502,974
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	7,601,373,310	3,767,890,635
Các khoản dự phòng	03	31,107,657,156	7,681,551,100
Lợi thế thương mại phân bổ		46,372,826,329	27,421,103,010
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(126,636,219,009)	(90,216,969,667)
Chi phí lãi vay	06	67,438,950,429	39,793,685,505
3. Lợi nhuận thuần/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh	08	830,873,256,682	36,348,763,557
(Tăng) các khoản phải thu	09	(861,380,589,828)	(1,141,334,717,759)
(Tăng) hàng tồn kho	10	(9,528,968,101)	(3,195,933,276)
Tăng các khoản phải trả	11	573,863,064,234	1,747,779,421,330
Tiền lãi vay đã trả	13	(67,438,950,429)	(39,793,685,505)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	184,673,650,431	307,211,605,620
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(513,924,958,299)	(854,548,023,851)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	<i>137,136,504,690</i>	<i>(117,377,831,302)</i>
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(242,172,462,565)	(383,164,777,909)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(710,359,812,530)	(623,348,811,900)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	69,044,794,970	
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(548,913,440,173)	(413,266,137,130)
5. Tiền chi đầu tư để mua các công ty con		(107,883,142,792)	(455,244,032,376)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	1,800,000,000	
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	252,090,330,571	45,601,484,594
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	<i>(1,286,393,732,519)</i>	<i>(1,829,422,274,721)</i>
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của cổ đông	31	957,600,000,000	1,422,500,000,000
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	1,175,830,608,866	896,408,106,275
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(726,875,748,569)	(326,560,000,000)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(40,746,410,959)	
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	<i>1,365,808,449,338</i>	<i>1,992,348,106,275</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	216,551,221,509	45,548,000,252
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	112,060,704,433	66,512,704,181
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	70	328,611,925,942	112,060,704,433

(Handwritten signature)

Nguyễn Thanh Nhân
Kế toán

(Handwritten signature)

Hoàng Văn Tuyên
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Dung
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2011

Các thuyết minh từ trang 6 đến trang 29 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI DƯƠNG

Số 4 Láng Hạ, quận Ba Đình
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/10/2010 đến ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh lần đầu số 0103017634 ngày 31 tháng 5 năm 2007 và các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi bổ sung do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp với số vốn điều lệ là 2.500.000.000.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 601 (tại ngày 31/12/2009: 418).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là:

- Tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật và tài chính);
- Xây dựng cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, khu dân cư, cao ốc văn phòng, các công trình hạ tầng, công trình công nghiệp, công trình dân dụng;
- Giới thiệu xúc tiến thương mại;
- Đầu tư xây dựng công trình thủy điện;
- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng, nhà nghỉ (không bao gồm kinh doanh phòng hát karaoke, vũ trường, quán bar);
- Kinh doanh trung tâm thương mại;
- Cung cấp các dịch vụ viễn thông, truyền thông, phát thanh, truyền hình;
- Quảng cáo thương mại;
- Kinh doanh sàn giao dịch bất động sản (trừ định giá bất động sản);
- Buôn bán lương thực, thực phẩm, đồ hộp, nước tinh khiết, nước giải khát, dầu ăn các loại;
- Xuất khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;
- Thiết kế kiến trúc công trình.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KỲ KẾ TOÁN**Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty đã được dịch sang Tiếng Anh từ bản báo cáo tài chính phát hành tại Việt Nam bằng ngôn ngữ Tiếng Việt.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 10 năm 2010 đến ngày 31 tháng 12 năm 2010.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI DƯƠNG

Số 4 Láng Hạ, quận Ba Đình
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/10/2010 đến ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất hợp nhất các báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày lập báo cáo tài chính. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị ghi sổ tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị ghi sổ của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị ghi sổ của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Trong năm 2009, Công ty thực hiện đầu tư và nắm cổ phần chi phối trong Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Dương từ ngày 01 tháng 01 năm 2009; Công ty Cổ phần Truyền thông Đại Dương, Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển hạ tầng VNT và Công ty Cổ phần Khách sạn và Dịch vụ Đại Dương từ ngày 31 tháng 12 năm 2009 và đã hợp nhất các báo cáo tài chính của các công ty con này trong các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty trong năm 2009. Công ty sử dụng giá ghi sổ của tài sản, công nợ của các công ty con này tại ngày mua và so sánh với giá mua để xác định lợi thế thương mại thay vì sử dụng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 11 - Hợp nhất kinh doanh.

Công ty đã thực hiện việc đánh giá lại giá trị của các công ty con tại ngày kết thúc năm tài chính 2009 bằng việc thuê chuyên gia định giá đánh giá lại các công ty con để xem xét giá trị hợp lý của các công ty con tại thời điểm kết thúc năm tài chính. Do tính chất phức tạp của việc phân bổ phần phụ trội mua cổ phần công ty con nên Công ty không thể thực hiện phân bổ vào tài sản, công nợ, công nợ tiềm tàng và tính toán lại giá trị lợi thế thương mại. Tuy nhiên, Ban Giám đốc Công ty đã đánh giá một cách thận trọng và tin tưởng rằng việc không phân bổ này không ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009, cũng như cho kỳ hoạt động từ ngày 01/10/2010 đến ngày 31/12/2010

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI DƯƠNG

Số 4 Láng Hạ, quận Ba Đình
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/10/2010 đến ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị ghi sổ của tài sản, công nợ của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm (theo VAS11 - Hợp nhất kinh doanh, thời gian hữu dụng ước tính tối đa không quá 10 năm).

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết. Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con và các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được trình bày riêng như một loại tài sản vô hình trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Số dư phải thu dài hạn của Công ty tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2010 là khoản tiền ứng trước cho nhà cung cấp để thực hiện các dự án bất động sản trong các năm tiếp theo. Theo đánh giá của Công ty, các khoản ứng trước này chắc chắn có thể thu hồi trong tương lai. Do vậy Công ty không trích lập dự phòng phải thu khó đòi tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2010.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI DƯƠNGSố 4 Láng Hạ, quận Ba Đình
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/10/2010 đến ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán. Theo đánh giá của Công ty, tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2010, Công ty không có hàng hóa tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất. Theo đó, Công ty không trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2010.

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Từ ngày 01/10/2010 đến ngày 31/12/2010
	Số năm
Máy móc, thiết bị	3 - 6
Phương tiện vận tải	6
Thiết bị văn phòng	3
Tài sản cố định khác	3

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản trả trước tiền thuê văn phòng và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Tiền thuê văn phòng thể hiện số tiền thuê văn phòng đã được trả trước. Tiền thuê văn phòng trả trước được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác là công cụ, dụng cụ và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI DƯƠNG

Số 4 Láng Hạ, quận Ba Đình
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/10/2010 đến ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Doanh thu chuyển nhượng bất động sản

Đối với các bất động sản (căn hộ) mà Công ty được chia sẻ lại từ Chủ đầu tư thông qua các hợp đồng góp vốn đầu tư bất động sản và ủy quyền bán, Công ty thực hiện huy động vốn từ các nhà đầu tư khác cũng bằng hình thức hợp đồng góp vốn đầu tư bất động sản và chia sẻ lại cho nhà đầu tư phần bất động sản (căn hộ) đã góp vốn tham gia đầu tư. Tại ngày lập báo cáo này, các hợp đồng này vẫn đang được thực hiện và chưa đủ điều kiện để chuyển sang hình thức hợp đồng mua bán bất động sản. Tuy nhiên, Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích phát sinh có liên quan cho các nhà đầu tư khác. Theo đó, căn cứ theo giá trị hợp đồng, tiến độ góp vốn của các nhà đầu tư khác tương ứng với các giai đoạn thực hiện của dự án, Công ty ghi nhận doanh thu chuyển nhượng bất động sản. Đồng thời, giá vốn chuyển nhượng bất động sản cũng được xác định tương ứng căn cứ vào hợp đồng mà Công ty đã ký kết với chủ đầu tư.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu lãi tiền gửi, lãi từ các khoản đầu tư

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc thuế có thẩm quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Tiền mặt	71,611,925,942	86,960,704,433
Các khoản tương đương tiền	257,000,000,000	25,100,000,000
	328,611,925,942	112,060,704,433

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Đầu tư chứng khoán	124,936,030,040	229,836,811,900
Đầu tư ngắn hạn khác	556,000,000,000	398,072,000,000
+ <i>Hợp đồng mua bán có kỳ hạn (Repo) (a)</i>	-	148,072,000,000
+ <i>Tiền gửi có kỳ hạn (b)</i>	406,000,000,000	100,000,000,000
+ <i>Ủy thác quản lý vốn (c)</i>	150,000,000,000	150,000,000,000
+ <i>Cho vay ngắn hạn</i>	-	-
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn	(37,661,572,462)	(7,065,322,700)
	643,274,457,578	620,843,489,200

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (Tiếp theo)

(a) Là hoạt động mua bán chứng khoán có kỳ hạn phát sinh tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Dương (công ty con của Công ty).

(b) Là tiền gửi có kỳ hạn của Công ty tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương (bên liên quan của Công ty)

(c) Là khoản Ủy thác quản lý vốn của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng VNT (công ty con của Công ty) cho Công ty Cổ phần Quản lý Danh mục Đầu tư FPT. Thời hạn ủy thác vốn là 1 năm và tự động gia hạn thêm khoảng thời gian tương đương nếu không có thỏa thuận khác.

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	<u>31/12/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư và xây dựng Sông Đà (a)	58,016,346,199	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bảo Minh (b)	66,000,000,000	66,000,000,000
Ho Vinh Hoang (c)	72,000,000,000	-
Hoang Thị Nga (d)	68,106,593,250	-
Các đối tượng khác	24,224,723,077	5,334,909,405
	<u>288,347,662,526</u>	<u>71,334,909,405</u>

(a) Là các khoản ứng trước của Công ty Cổ phần Sài Gòn-Givral và Công ty Cổ phần Dịch vụ Hỗ trợ Phát triển và Đầu tư IOC (các công ty con của Công ty Cổ phần Khách sạn và dịch vụ Đại Dương) theo các hợp đồng xây dựng.

(b) Là số tiền ứng trước cho Công ty Đầu tư và Xây dựng Bảo Minh (bên liên quan của Công ty) để thực hiện dự án "Khu Siêu thị, Văn phòng giao dịch thương mại và Nhà ở" tại 317 đường Trường Chinh, quận Thanh Xuân, Hà Nội. Theo thỏa thuận giữa hai bên, trong năm 2010, Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bảo Minh phải hoàn trả cho Công ty số tiền trên nếu chưa thi công xong phần móng công trình. Công ty cũng đã có thỏa thuận nguyên tắc chuyển nhượng toàn bộ sản phẩm thuộc quyền bán của Công ty liên quan đến dự án này cho Công ty Cổ phần BSC Việt Nam trong năm 2010.

(c,d) Là số tiền trả trước cho Hồ Vinh Hoàng và Hoàng Thị Nga để mua Cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI DƯƠNGSố 4 Láng Hạ, quận Ba Đình
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/10/2010 đến ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Công ty Cổ phần Bảo Minh (a)	512,840,000	-
Công ty Cổ phần Bảo Linh (a)	-	204,622,222,223
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại B&M (a)	-	417,786,237,500
Công ty Cổ phần Thương mại và Kho vận Thành Đông (a)	-	200,933,333,333
Bà Hoàng Thị Hồng Tứ (a)	-	61,284,166,668
Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn tài chính Liên Việt (a)	353,520,000,000	33,400,000,000
Công ty TNHH MTV Xây dựng Hoa Hướng Dương (a)	160,271,222,222	-
Công ty CP Đầu Tư Xây Dựng Sông Đà (a)	150,008,808,333	-
Công ty CP BSC Việt Nam (a)	29,012,163,889	-
Phải thu khách hàng về giao dịch chứng khoán (a)	804,549,363,722	-
Nguyễn Thị Thu Hà (b)	27,863,750,000	-
Công ty CP Ma San (b)	15,179,999,998	-
Phải thu khác	99,793,855,951	9,969,132,816
	1,640,712,004,115	927,995,092,540

(a) Là các khoản tiền Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Dương (công ty con của Công ty) ứng trước tiền mua chứng khoán theo hợp đồng mỗi giới chứng khoán với các cá nhân, tổ chức và lãi dự thu đến ngày 31/12/2010.

(b) Là các khoản tiền lãi phải thu theo các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn, ủy thác quản lý vốn.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI DƯƠNGSố 4 Láng Hạ, quận Ba Đình
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/10/2010 đến ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***8. PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC**

Phải thu dài hạn khác phản ánh các khoản tiền đã chi ra để Công ty thực hiện các dự án kinh doanh bất động sản. Chi tiết như sau:

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Tổng Công ty CP Xây dựng và Xuất nhập khẩu Việt Nam (a)	572,804,481,484	-
Công ty TNHH Sonakali International (a)	-	408,750,000,000
Công ty Cổ phần Masan (b)	230,000,000,000	230,000,000,000
Bà Nguyễn Thị Thu Hà (c)	0	186,000,000,000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Vneco Hà Nội (d)	0	124,100,000,000
Công ty TNHH VNT (e)	0	205,691,396,000
Euro Metal Cans Holding Co PTE LTD (f)	0	80,000,000,000
Công ty TNHH Togi Việt Nam (f)	0	1,000,000,000
Công ty Cổ phần Viptour-Togi (f)	0	1,700,000,000
Công ty TNHH Thương mại Du lịch và Đầu tư Phát triển - T&T Express (g)	66,353,787,100	13,072,537,100
Công ty TNHH 5G Studio_Collaborative (g)	2,375,073,684	-
Dự án Hạ Đình (h)	65,553,500,000	-
Công ty Cổ phần Licogi 19 (i)	57,397,175,227	397,175,227
Công ty Cổ phần BSC Việt Nam	-	20,000,000,000
Hà Trọng Nam	500,000,000,000	-
Tổng dự án 19 Nguyễn Trãi (d)	50,362,539,941	-
Tổng dự án Lê Văn Lương (e)	251,389,011,526	-
Công ty CP Giày Da và May Mặc Xuất Khẩu (DA Lega Fashion House tại số 106, đường 3/2)	22,500,000,000	-
Công ty TNHH Kinh Doanh Và Cho Thuê Nhà Tân Bách Việt (k)	32,000,000,000	-
Công ty CP SSG Văn Thánh (m)	73,306,275,840	-
Phải thu dài hạn khác	4,001,857,915	-
	1,928,043,702,717	1,270,711,108,327

(a) Số dư tại ngày 31/12/2009 là khoản tiền ứng trước cho Công ty TNHH Sonakali International (Sonakali) (bên liên quan của Công ty) để Sonakali thực hiện dự án Đầu tư xây dựng khai thác Khu tổ hợp thương mại tại Khu đô thị Nam Trần Duy Hưng, quận Thanh Xuân, Hà Nội với Tổng Công ty Cổ phần Xây Dựng và Xuất nhập khẩu Việt Nam (Vinaconex). Theo Công văn số 20-01/2010/SNK, Sonakali đồng ý chuyển giao toàn bộ nghĩa vụ liên quan đến dự án trên. Trong kỳ, các bên đã thanh lý các hợp đồng và thỏa thuận trước đây.

Sau đó, Công ty cùng với Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng và Xuất nhập khẩu Việt Nam (Vinaconex) và Công ty TNHH VNT (bên liên quan của Công ty) góp vốn để thành lập Công ty Cổ phần Đầu tư Đại Dương Thăng Long (“OTL”) để thực hiện Dự án trên, trong đó Công ty chiếm tỷ lệ vốn là 70%. Dự án này đang trong giai đoạn xin chuyển giao chủ đầu tư dự án sang Công ty Cổ phần Đầu tư Đại Dương Thăng Long. Theo thỏa thuận, OTL sẽ chuyển 670 tỷ đồng cho Vinaconex để được quyền đầu tư và triển khai Dự án trên Khu đất. Đến ngày 31/12/2010, OTL đã chuyển cho Vinaconex số tiền 570 tỷ đồng.

Số tiền còn lại 2.804.481.484 đồng là khoản tiền ứng trước cho Vinaconex để thực hiện dự án “Xây dựng cầu Thủ Thiêm 2” tại thành phố Hồ Chí Minh. Theo thỏa thuận hợp tác đầu tư, sau khi Vinaconex được UBND thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt Dự án trên, Vinaconex cùng các bên tham

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI DƯƠNG

Số 4 Láng Hạ, quận Ba Đình
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/10/2010 đến ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

gia sẽ thành lập một doanh nghiệp dự án dưới hình thức một công ty cổ phần, dự kiến tỷ lệ cổ phần của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương trong doanh nghiệp mới này sẽ là 20%. Khoản tiền ứng trước cho Vinaconex nêu trên là phần ứng trước thanh toán chi phí thiết kế ý tưởng và kiến trúc xây dựng của Dự án Cầu Thủ Thiêm 2 ứng với tỷ lệ vốn góp là 20%.

(b) Đây là số tiền Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng VNT (công ty con của Công ty) đã thanh toán cho Công ty Cổ phần Masan (MIC) - Công ty mẹ của Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (mã MSN) để hưởng quyền mua cổ phần của Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan theo hợp đồng quyền mua cổ phần ký năm 2009. Thời hạn thực hiện quyền mua kể từ ngày ký hợp đồng đến ngày 02 tháng 6 năm 2013. Số lượng cổ phần và giá mua mỗi cổ phần khi thực hiện quyền mua sẽ xác định bằng 230 tỷ đồng/giá mua một cổ phần. Công ty Cổ phần Masan đã thực hiện phong tỏa 12.777.778 cổ phần MSN để thực hiện giao dịch.

(c) Khoản ứng trước cho Bà Nguyễn Thị Thu Hà (bên liên quan của Công ty) để thực hiện giao dịch đầu tư. Để đảm bảo cho số tiền ứng trước nêu trên, Bà Lê Thị Minh Nguyệt (bên liên quan của Công ty) đã bảo lãnh cho Bà Nguyễn Thị Thu Hà bằng số vốn góp của mình tại Công ty TNHH VNT (bên liên quan của Công ty) với số tiền là 200.000.000.000 đồng. Đến ngày 31/12/2010, số tiền trên đã được Bà Nguyễn Thị Thu Hà trả lại hết cộng thêm với tiền lãi kể từ ngày đặt cọc theo hợp đồng.

(d) Góp vốn cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Vneco Hà Nội để thực hiện dự án “Đầu tư xây dựng Tòa nhà hỗn hợp Chung cư, Dịch vụ và Bãi gửi xe – Star City Lê Văn Lương” tại Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.

Tổng giá trị góp vốn là 43.802.400 USD. Sau khi kết thúc quá trình đầu tư, Vneco Hà Nội sẽ chia sẽ lại phần tham gia góp vốn bằng chính các hạng mục và bất động sản cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương. Đồng thời, Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Vneco Hà Nội ủy quyền toàn bộ cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương trong việc quyết định bán, mua, bán lại, chứng thực cho quá trình mua/bán của khách hàng/nhà đầu tư thứ cấp.

(e) Góp vốn cho Công ty TNHH VNT (bên liên quan của Công ty) để thực hiện dự án “Công trình hỗn hợp Nhà ở, Rạp chiếu phim, Văn phòng và Chung cư” tại 19 Nguyễn Trãi, quận Thanh Xuân, Hà Nội.

Tổng giá trị góp vốn là 418.620.600.000 đồng. Sau khi kết thúc quá trình đầu tư, Công ty TNHH VNT sẽ chia sẽ lại phần tham gia góp vốn bằng chính các hạng mục và bất động sản cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương. Đồng thời, VNT ủy quyền toàn bộ cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương trong việc quyết định bán, mua, bán lại, chứng thực cho quá trình mua/bán của khách hàng/nhà đầu tư thứ cấp.

(f) Khoản tiền Công ty Cổ phần Khách sạn và Dịch vụ Đại Dương (công ty con của Công ty) đã chi cho các đối tác về việc chuyển nhượng lại quyền tham gia góp vốn vào Dự án “Khách sạn Viptour-Togi” của Công ty Cổ phần Viptour-Togi. Bao gồm các khoản sau:

Công ty phải trả 86 tỷ đồng cho Công ty Euro Metal Cans Holding Co PTE LTD để có quyền tham gia góp 70% vốn điều lệ, tương đương 141.953.000.000 đồng vào Công ty Cổ phần Viptour-Togi. Số tiền đã thanh toán đến ngày 31/12/2009 là 80 tỷ đồng.

Công ty phải trả 1 tỷ đồng cho Công ty TNHH Togi Việt Nam để có quyền tham gia góp 10% vốn điều lệ, tương đương 20.279.000.000 đồng vào Công ty Cổ phần Viptour-Togi.

Khoản tiền 1,7 tỷ đồng chuyển cho Công ty Cổ phần Viptour-Togi liên quan đến các chi phí xây dựng cơ bản của Dự án “Khách sạn Viptour-Togi”

(g) Bao gồm tiền ứng trước cho Công ty TNHH Thương mại Du lịch và Đầu tư Phát triển – T&T Express để thực hiện dự án “Xây dựng Khách sạn Sao Hôm” tại 72-74 Trần Phú, thành phố Nha Trang và tiền thiết kế công trình này cho công ty TNHH 5G Studio_Collaborative.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI DƯƠNGSố 4 Láng Hạ, quận Ba Đình
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/10/2010 đến ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Để thực hiện dự án nêu trên, Công ty TNHH Thương mại Du lịch và Đầu tư phát triển – T&T Express sẽ thành lập Công ty TNHH T&T Đại Dương với số vốn điều lệ là 70 tỷ đồng, sau đó Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương mua 90% vốn điều lệ của Công ty TNHH T&T Đại Dương, tương đương với số tiền là 63 tỷ đồng.

Theo hợp đồng kinh tế số 01/BL-OGC ngày 12/12/2009 giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương và Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại Bảo Long (nay là Công ty Cổ phần Dịch vụ Khách sạn Đại Dương – công ty con của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương), Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương sẽ nhượng lại cho Công ty Cổ phần Dịch vụ Khách sạn Đại Dương quyền thực hiện Dự án nêu trên với giá chuyển nhượng là 100 tỷ đồng.

(h) Đây là số tiền góp vốn với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương (bên liên quan của Công ty) và Công ty Cổ phần Đầu tư Lam Hồng theo hợp đồng ba bên để cùng góp 96,3% vốn thực hiện dự án “Xây dựng nhà chung cư” tại phường Hạ Đình, quận Thanh Xuân, Hà Nội với Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại Dịch vụ Khang Thông (chủ đầu tư chiếm 3,7% dự án). Tổng số tiền góp vốn ban đầu là 64.953.500.000 đồng, tương đương 50% vốn góp của ba bên vào Dự án. Công ty sẽ tiếp tục góp vốn theo tiến độ của dự án tương ứng với tỷ lệ vốn góp và được hưởng sản phẩm của Dự án theo tỷ lệ vốn góp thực tế tính đến thời điểm Dự án hoàn thành.

(i) Là khoản tiền góp vốn cùng Công ty Cổ phần Licogi 19 để hai bên lập Liên danh hợp tác đầu tư thực hiện dự án “Xây dựng Tòa nhà hỗn hợp – văn phòng thương mại và nhà ở” tại đường Lê Văn Lương, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội.

(k) Khoản tiền ứng trước cho Công ty kinh doanh và cho thuê nhà Tân Bách Việt để thực hiện dự án đầu tư tại số 5 Lê Quý Đôn – Phường 6 – Quận 3 – TP HCM.

(l) Khoản tiền ứng trước cho Công ty cổ phần đầu tư – INB để mua 100% cổ phần Công ty Thảo Điền – chủ đầu tư dự án khu phức hợp căn hộ, văn phòng, thương mại, dịch vụ... với quy mô khoảng 8ha tại Phường Thảo Điền, Quận 2, TP. HCM.

(m) Khoản tiền ứng trước cho Công ty Cổ phần SSG Văn Thánh để mua dự án SSG Tower.

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2010	16,296,003,929	3,103,521,393	617,551,551	443,662,951	20,460,739,824
Mua trong năm	15,629,986,467	2,189,670,968	883,469,834	425,843,700	19,128,970,969
Thanh lý, nhượng bán	47,048,250	-	-	-	47,048,250
Tại ngày 31/12/2010	31,878,942,146	5,293,192,361	1,501,021,385	869,506,651	39,542,662,543
KHẤU HAO LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2010	6,520,792,022	1,004,672,112	106,408,005	46,917,058	7,678,789,197
Khấu hao trong năm	6,066,268,826	479,740,396	250,552,454	199,868,008	6,996,429,684
Thanh lý, nhượng bán	121,203,280	-	-	-	121,203,280
Tại ngày 31/12/2010	12,465,857,568	1,484,412,508	356,960,459	246,785,066	14,554,015,601
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2010	19,413,084,578	3,808,779,853	1,144,060,926	622,721,585	24,988,646,942
Tại ngày 31/12/2009	9,775,211,907	2,098,849,281	511,143,546	396,745,893	12,781,950,627

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI DƯƠNGSố 4 Láng Hạ, quận Ba Đình
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/10/2010 đến ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG**

	Từ 01/01/2010 đến 31/12/2010 VND
Tại ngày 01 tháng 01	360,720,342,623
Tăng trong năm	331,160,871,898
Giảm khác	(110,599,800,052)
Tại ngày 31 tháng 12	581,281,414,469

Chi tiết xây dựng cơ bản theo công trình:

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Khách sạn Sài Gòn Givral	218,538,261,509	81,627,291,552
Khách sạn IOC Hội An	125,416,623,856	77,610,173,178
Khu Công nghiệp Minh Đức	232,086,572,531	199,700,014,855
Dự án 5,2 ha Trần Duy Hưng	2,292,252,512	-
Các công trình khác	2,947,704,061	1,782,863,038
	581,281,414,469	360,720,342,623

11. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty kiểm soát 06 công ty con. Thông tin chi tiết về công ty con như sau:

ST T	Tên công ty	Nơi thành lập	Ngày kiểm soát	Tỷ lệ lợi ích (%)	Quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Truyền thông Đại Dương	Hà Nội	31/12/2009	50	50	Dịch vụ truyền thông
2	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển hạ tầng VNT	Hưng Yên	31/12/2009	50	50	Đầu tư khu công nghiệp, xây dựng hạ tầng
3	Công ty Cổ phần Khách sạn và Dịch vụ Đại Dương	Hải Dương	31/12/2009	75	75	Kinh doanh khách sạn
4	Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Dương	Hà Nội	01/01/2009	75	75	Kinh doanh chứng khoán
5	Công ty Cổ phần Đầu tư Đại Dương Thăng Long	Hà Nội	23/3/2010	70	70	Xây dựng
6	Công ty Cổ phần Quản lý Bất Động Sản Đại Dương	Hà Nội	20/9/2010	90	90	Kinh doanh bất động sản, Xây dựng

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI DƯƠNGSố 4 Láng Hạ, quận Ba Đình
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/10/2010 đến ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Tại ngày 31/12/2010, Công ty Cổ phần Khách sạn và Dịch vụ Đại Dương kiểm soát 02 công ty con như sau:

						Sản xuất, kinh doanh bán kẹo; Kinh doanh khách sạn
1	Công ty Cổ phần Sài Gòn-Givral	Hồ Chí Minh	30/06/2009	75,31 %	96,54%	Kinh doanh khách sạn
2	Công ty Cổ phần Dịch vụ hỗ trợ và Phát triển đầu tư	Quảng Nam	31/12/2009	40%	74%	Kinh doanh khách sạn

Số tiền đầu tư vào các công ty con như sau:**ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON**

	31/12/2010
	VND
Công ty Cổ phần Truyền thông Đại Dương	10,500,000,000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển hạ tầng VNT	50,400,000,000
Công ty Cổ phần Khách sạn và Dịch vụ Đại Dương	750,000,000,000
Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Dương	429,000,000,000
Công ty Cổ phần Đầu tư Đại Dương Thăng Long	253,750,000,000
Công ty Cổ phần Quản lý BĐS Đại Dương	5,400,000,000
	1,499,050,000,000

12. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương	874,563,198,732	682,828,786,483
	874,563,198,732	682,828,786,483

Thông tin chi tiết về công ty liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 như sau:

Công ty liên kết	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương	Hải Dương	20%	20%	Dịch vụ Ngân hàng

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI DƯƠNGSố 4 Láng Hạ, quận Ba Đình
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/10/2010 đến ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Thông tin tài chính tóm tắt về công ty liên kết của Công ty được trình bày như sau:

	31/12/2010 VND
Tổng tài sản	55,269,879,191,097
Tổng công nợ	51,012,003,197,199
Tài sản thuần	4,257,875,993,898
Phần tài sản thuần Công ty đầu tư vào công ty liên kết	851,575,198,780
	Từ 01/01/2010 đến 31/12/2010 VND
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	6,409,954,305,747
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	42,746,118,606
Lãi/(lỗ) từ hoạt động khác	(22,868,348,233)
Lợi nhuận thuần	520,421,808,375
Lợi nhuận thuần từ khoản đầu tư vào công ty liên kết theo tỷ lệ sở hữu	104,084,361,675

13. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Vneco Hà Nội	10,000,000,000	10,000,000,000
Công ty Cổ phần Truyền Thông Xanh	-	2,927,304,000
Công ty Cổ phần Kem Tráng Tiên	-	1,800,000,000
Công ty CP Việt Liên Á - Phú Hưng Gia	182,970,000,000	-
Công ty TNHH MTV Sao Hôm	15,000,000,000	-
CP Ngân hàng TMCP Đại Dương	67,028,944,173	-
Công ty Cổ phần Viptour - Togi	107,800,000,000	-
Công ty TC Liên Việt	50,000,000,000	-
CP Công ty Vietcom	3,341,800,000	-
Thành Lập sở giao dịch Hàng Hóa	127,500,000,000	-
	563,640,744,173	14,727,304,000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Từ 01/01/2010 đến 31/12/2010 VND
Tại ngày 1 tháng 1	9,617,283,970
Tăng	15,692,814,789
Phân bổ vào chi phí trong kỳ	12,747,638,814
Tại ngày 31 tháng 12	12,562,459,945

15. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	Từ 01/01/2010 đến 31/12/2010 VND
Tại ngày 01 tháng 01	427,822,929,366
Tăng trong năm	8,894,383,201
Phân bổ trong năm	(46,372,826,329)
Tại ngày 31 tháng 12	390,344,486,238

Chi tiết lợi thế thương mại theo từng khoản đầu tư:

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Công ty Cổ phần Truyền thông Đại Dương	1,723,306,721	1,914,785,245
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển hạ tầng VNT	8,657,848,904	9,619,832,115
Công ty Cổ phần Khách sạn và Dịch vụ Đại Dương	(1,778,569,488)	(1,566,036,027)
Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Dương	163,251,903,690	183,240,915,603
Công ty Cổ phần Đầu tư Đại Dương Thăng Long	7,875,000,000	-
Công ty Cổ phần Sài Gòn- Givral	121,265,547,444	134,040,581,004
Công ty Cổ phần Dịch vụ hỗ trợ và Phát triển đầu tư	89,349,448,967	100,572,851,426
	-	-
	390,344,486,238	427,822,929,366

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI DƯƠNGSố 4 Láng Hạ, quận Ba Đình
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/10/2010 đến ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***16. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Vay ngắn hạn		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương	91,478,740,000	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Dầu khí Toàn Cầu	-	175,000,000,000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Hoàn Kiếm	-	100,000,000,000
Công ty TNHH VNT	277,915,111,431	239,970,747,044
Công ty Cổ phần Đại An	33,000,000,000	33,000,000,000
Nợ dài hạn đến hạn trả		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam	-	30,000,000,000
	402,393,851,431	577,970,747,044

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC NGHĨA VỤ THUẾ VỚI NHÀ NƯỚC

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	27,536,810	44,650,016
Thuế thu nhập doanh nghiệp	89,858,534,428	5,948,393,314
Thuế thu nhập cá nhân	162,398,450	85,937,449
Các loại thuế khác	1,944,810,227	-
	91,993,279,915	6,078,980,779

18. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam (a)	-	417,786,237,500
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương (a)	1,466,666,667	302,552,916,667
Ngân hàng Thương mại Cổ phần các doanh nghiệp ngoài quốc doanh Việt Nam (a)	-	-
Ngân hàng Phát triển Nhà TP Hồ Chí Minh (a)	-	311,626,111,112
Ngân hàng Thương mại CP Phương Nam (a)	-	101,866,666,667
	1,179,420,108,816	44,355,162,113
Phải trả về giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư (a)		
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu Khí (a)	-	46,317,290,834
Công ty Cổ phần Bảo Linh (b)	128,686,397,322	130,845,833,333
Công ty TNHH VNT	12,879,151,114	62,136,259,374
Công ty Cổ phần Đầu tư và xây dựng Sông Đà (c)	176,679,166,665	-
Nguyễn Thị Lan Hương (d)	10,890,000,000	-
Hồ Vĩnh Hoàng (d)	36,600,000,000	-
Sở giao dịch chứng khoán	226,581,056	-
Công ty Cổ phần Đại An	5,130,812,500	-
Phải trả, phải nộp khác	115,934,101,929	9,739,765,510
	1,667,912,986,069	1,427,226,243,110

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI DƯƠNGSố 4 Láng Hạ, quận Ba Đình
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/10/2010 đến ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

(a) Là khoản tiền Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Dương (công ty con của Công ty) nhận ứng trước tiền đặt cọc mua chứng khoán.

(b) Khoản góp vốn của Công ty Cổ phần Bảo Linh (bên liên quan của Công ty) vào Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển hạ tầng VNT (công ty con của Công ty) để đầu tư, xây dựng và kinh doanh Khu công nghiệp Minh Đức theo hợp đồng hợp tác kinh doanh ký tháng 11 năm 2008. Trong năm 2010, hai bên đã ký biên bản chấm dứt hợp đồng hợp tác kinh doanh này, Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển hạ tầng VNT trả lại một phần tiền đã nhận và chịu mức lãi suất là 14,5%/năm. Tại ngày 31/12/2010, số tiền Công ty còn phải trả Công ty Cổ phần Bảo Linh là 40.941.397.322 đồng.

Số còn lại 87.745.000.000 đồng là số tiền còn phải trả Công ty Cổ phần Bảo Linh để thực hiện hợp đồng mua cổ phần Ngân hàng Đệ nhất.

(c) Phần ảnh hưởng khoản tiền Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển hạ tầng VNT nhận ứng trước 50% tiền đặt cọc thuê đất tại Khu công nghiệp Minh Đức của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Sông Đà (bên liên quan của Công ty) với số tiền 173 tỷ đồng. Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển hạ tầng VNT phải chi trả phí sử dụng vốn trên số tiền đã nhận với lãi suất là 13%/năm, số tiền lãi phải trả đến ngày 31/12/2010 là 3.679.166.665 đồng.

(d) Là số tiền phải trả cho các cá nhân để thực hiện hợp đồng mua cổ phiếu ngân hàng Đệ nhất.

19. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương (*)	-	175,000,000,000
Nhận góp vốn, đặt cọc từ các tổ chức, cá nhân để thực hiện các dự án bất động sản	13,292,555,991	123,607,915,200
Phải trả dài hạn khác	-	8,493,031,460
	13,292,555,991	307,100,946,660

20. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam	-	105,000,000,000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương	211,182,079,245	54,985,559,838
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Nam	584,287,035,896	10,951,799,393
Công ty TNHH VNT	-	-
	795,469,115,141	170,937,359,231

Chi tiết các khoản vay dài hạn như sau:

- Tại ngày 20 tháng 11 năm 2007, Công ty Cổ phần Dịch vụ Hỗ trợ và Phát triển Đầu tư (công ty con của Công ty Cổ phần Khách sạn và Dịch vụ Đại Dương) ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương (bên liên quan của Công ty) với hạn mức vay là 196 tỷ đồng để thực hiện Dự án Đầu tư xây dựng công trình Khu du lịch Novotel-Imperial Hội An. Khoản vay có thời hạn vay là 138 tháng kể từ ngày nhận nợ đầu tiên, thời gian ân

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI DƯƠNGSố 4 Láng Hạ, quận Ba Đình
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/10/2010 đến ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

hạn gốc và lãi vay là 42 tháng. Gốc vay được trả hàng quý, chậm nhất vào ngày 10 quý sau; kỳ trả nợ đầu tiên là quý III năm 2011. Khoản vay áp dụng lãi suất thả nổi, thay đổi định kỳ 3 tháng 1 lần vào ngày đầu tiên của quý, lãi suất bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi cuối kỳ của Oceanbank cộng biên độ 0,5%/tháng. Lãi vay trả hàng quý cùng kỳ hạn với trả nợ gốc. Công ty sử dụng tài sản đảm bảo là tài sản gắn liền với đất hình thành từ vốn vay, máy móc và thiết bị nội thất văn phòng với giá trị tài sản đảm bảo hình thành trong tương lai tạm tính theo giá trị dự toán là 280 tỷ đồng. Số tiền vay tính đến ngày 31/12/2010 theo hợp đồng này là 83.182.079.245 đồng.

- Tại ngày 10/6/2010, Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng VNT (công ty con của Công ty) ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương (bên liên quan của Công ty) với số tiền là 128 tỷ đồng để thanh toán một phần hợp đồng san nền khu công nghiệp Minh Đức. Khoản vay có thời hạn vay là 48 tháng kể từ ngày nhận nợ đầu tiên, thời gian ân hạn là 24 tháng. Gốc vay được trả hàng quý, kỳ trả nợ đầu tiên là quý III năm 2012. Lãi suất kể từ ngày giải ngân đầu tiên là 14,5%/năm, sau đó áp dụng lãi suất thả nổi, thay đổi định kỳ 3 tháng 1 lần vào ngày giải ngân, lãi suất bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi cuối kỳ của Oceanbank cộng biên độ 6%/năm. Lãi vay trả hàng tháng vào ngày nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng 8.200.000 cổ phiếu của Công ty CP Tập đoàn Đại Dương (Mã chứng khoán OGC – niêm yết tại Sở GDCK Hồ Chí Minh) do Công ty TNHH VNT nắm giữ. Số tiền đã vay đến ngày 31/12/2010 là 128 tỷ đồng.
- Tại ngày 10/11/2009, Công ty Cổ phần Sài Gòn-Givral (công ty con của Công ty Cổ phần Khách sạn và Dịch vụ Đại Dương) ký hợp đồng vay dài hạn với hạn mức là 140 tỷ đồng với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Nam để thực hiện Dự án Xây dựng khách sạn Sài Gòn - Givral. Khoản vay có thời hạn vay là 3 năm kể từ ngày nhận nợ đầu tiên. Lãi suất theo thỏa thuận, lãi vay trả hàng tháng. Công ty sử dụng tài sản đảm bảo là phần tài sản hình thành trong tương lai theo Giấy phép xây dựng số 238/GPXD-SXD-TKCS của Sở Xây dựng TP.HCM ký ngày 11/12/2007. Tổng giá trị tài sản thế chấp cầm cố là 157.168.000.000 đồng.
- Công ty CP Khách sạn và Dịch vụ Đại Dương (công ty con của công ty) bán trái phiếu cho Ngân hàng TMCP Phương Nam để thực hiện đầu tư mua cổ phiếu Công ty CP Trảng Tiền. Theo đó, Công ty CP Khách sạn và Dịch vụ Đại Dương phát hành 500 trái phiếu mệnh giá 1.000.000.000 đồng, ngày phát hành 28/10/2010 với lãi suất trái phiếu là 14%/năm trong năm đầu tiên. Lãi suất các năm tiếp theo thả nổi theo nguyên tắc bình quân lãi tiết kiệm 12 tháng trả sau của 4 ngân hàng cộng 3%. Thời hạn trái phiếu 03 năm.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:**Các khoản vay được hoàn trả theo lịch biểu sau:**

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Trong 6 tháng tiếp theo	-	30,000,000,000
Trong năm thứ hai	85,287,035,896	41,951,799,393
Từ ba năm đến năm thứ năm	710,182,079,245	128,985,559,838
Sau năm thứ năm		
	795,469,115,141	200,937,359,231
Trừ số phải trả trong vòng 6 tháng (được trình bày trên khoản nợ ngắn hạn)	-	30,000,000,000
Số phải trả sau 31/12/2010	795,469,115,141	170,937,359,231

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI DƯƠNG

Số 4 Láng Hạ, quận Ba Đình
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/10/2010 đến ngày 31/12/2010

MÃU SỐ B 09-DN/HN

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Thay đổi trong vốn chủ sở hữu:

	Vốn điều lệ		Thặng dư vốn cổ phần		Chênh lệch tỉ giá hối đoái		Quỹ đầu tư phát triển		Quỹ dự phòng tài chính		Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Tổng cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2009	390,000,000,000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	20,670,099	390,020,670,099	42,894,182,730	42,894,182,730	
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	42,894,182,730	42,894,182,730	-	-	1,578,000,000,000
Tăng vốn	1,578,000,000,000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1,578,000,000,000
Tăng khác	-	-	-	29,600,750	-	-	-	29,600,750	31,327,750	-	-	200,000,000	17,851,494,117	-	-	18,112,422,617
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(104,000,000)	-	-	-	-	(104,000,000)
Số dư tại ngày 01/01/2010	1,968,000,000,000	-	-	29,600,750	-	-	31,327,750	31,327,750	-	-	96,000,000	60,766,346,946	2,028,923,275,446	588,469,817,882	588,469,817,882	2,028,923,275,446
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	957,600,000,000
Tăng vốn	532,000,000,000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(40,746,410,959)
Chia cổ tức năm 2009	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(40,746,410,959)	(40,746,410,959)	(2,144,709,136)	(2,144,709,136)	(428,941,827)
Trích lập quỹ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1,715,767,309	(2,144,709,136)	(2,144,709,136)	(2,184,859,784)	(2,184,859,784)	2,413,483,959
Tăng khác	-	-	-	1,972,278,006	-	-	1,201,085,300	1,972,278,006	1,201,085,300	-	-	-	-	-	-	2,413,483,959
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(96,000,000)	(124,013,297,501)	(124,013,297,501)	(124,013,297,501)	(124,013,297,501)	(124,013,297,501)
Số dư tại ngày 31/12/2010	2,500,000,000,000	425,600,000,000	1,424,980,437	2,001,878,756	1,232,413,050	1,715,767,309	480,146,887,448	3,412,121,927,000	480,146,887,448	1,715,767,309	1,715,767,309	480,146,887,448	3,412,121,927,000	480,146,887,448	3,412,121,927,000	3,412,121,927,000

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI DƯƠNGSố 4 Láng Hạ, quận Ba Đình
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/10/2010 đến ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)****b. Vốn điều lệ**

Theo Quyết định số 01/2010/QĐ-ĐHĐCĐ ngày 18/01/2010, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã thông qua kế hoạch tăng vốn điều lệ năm 2010 như sau:

Giai đoạn 1: Tăng vốn điều lệ từ 1.968 tỷ đồng lên 2.500 tỷ đồng theo phương thức phát hành riêng lẻ cho các nhà đầu tư tiềm năng.

Giai đoạn 2: Tăng vốn điều lệ từ 2.500 tỷ đồng lên 3.000 tỷ đồng thông qua phương thức chào bán cổ phiếu ra công chúng.

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0102278484 thay đổi lần 9 ngày 26 tháng 4 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Công ty có vốn điều lệ là 2.500.000.000.000 đồng. Tại ngày 31/12/2010, vốn điều lệ đã được cổ đông góp đủ.

c. Cổ tức

Theo Nghị quyết số 05/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 3 năm 2010 của Đại hội đồng Cổ đông của Công ty về việc thông qua phương án sử dụng lợi nhuận sau thuế năm 2009, Công ty thực hiện chia cổ tức năm 2009 theo tỷ lệ là 9,5%, các cổ đông được hưởng cổ tức tương ứng với số ngày nắm giữ cổ phần đến ngày 31/12/2009.

d. Cổ phiếu

	<u>31/12/2010</u>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	250 000 000
Cổ phiếu phổ thông	250 000 000

Mệnh giá cổ phiếu phổ thông đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

e. Các Quỹ

Theo Nghị quyết số 05/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 3 năm 2010 của Đại hội đồng Cổ đông của Công ty, Công ty đã trích lập các Quỹ Dự trữ bổ sung Vốn điều lệ, Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu với tỷ lệ lần lượt là 3%, 1% và 1% lợi nhuận sau thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI DƯƠNGSố 4 Láng Hạ, quận Ba Đình
Hà Nội, CHXHCN Việt NamBáo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/12/2010 đến ngày 31/12/2010**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

22. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 4 bộ phận hoạt động - Bộ phận kinh doanh đầu tư Bất động sản, Bộ phận hoạt động kinh doanh Chứng khoán, Bộ phận quản lý kinh doanh Khách sạn và Bộ phận khác. Công ty lập báo cáo bộ phận theo bốn bộ phận kinh doanh này.

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/10/2010 đến ngày 31/12/2010

	Bất động sản	Chứng khoán	Khách sạn	Hoạt động khác	Bù trừ hợp nhất	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tổng tài sản	5,402,701,887,707	1,534,348,497,865	1,930,169,703,757	45,007,677,264	(1,481,653,525,818)	7,430,574,240,775
Tổng nợ phải trả	1,537,471,907,369	1,220,152,474,770	843,963,713,959	23,195,701,739	(112,809,133,284)	3,511,974,664,553
Doanh thu						
Doanh thu thuần bán hàng ra bên ngoài	355,896,352,202	35,099,360,643	46,841,564,874	20,079,453,439	-	457,916,731,158
Doanh thu nội bộ Tập Đoàn						
Tổng doanh thu	355,896,352,202	35,099,360,643	46,841,564,874	20,079,453,439	-	457,916,731,158
Kết quả kinh doanh						
Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh	231,898,447,432	(35,724,233,079)	14,141,398,720	3,405,675,085	(35,203,850,114)	178,517,438,044
Lợi nhuận khác	(329,153,335)	3,964,000	24,570,367	(135,254,545)	-	(435,873,513)
Lợi nhuận trong công ty liên kết	-	-	-	-	24,226,014,835	24,226,014,835
Lợi nhuận trước thuế	231,569,294,097	(35,720,269,079)	14,165,969,087	3,270,420,540	(10,977,835,279)	202,307,579,366
Chi phí thuế TNDN hiện hành	48,239,356,616	-	9,071,099,655	428,898,696	-	57,739,354,967
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	-	-	(3,989,677,566)	-	-	(3,989,677,566)
Lợi nhuận trong kỳ	183,329,937,481	(35,720,269,079)	9,084,546,998	2,841,521,844	(10,977,835,279)	148,557,901,965

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI DƯƠNGSố 4 Láng Hạ, quận Ba Đình
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/10/2010 đến ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***23. DOANH THU**

	Từ 01/10/2010 đến 31/12/2010 VND
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	457,916,731,158
Doanh thu bán hàng	164,843,825,897
Doanh thu cung cấp dịch vụ	39,180,679,699
Doanh thu chuyển nhượng bất động sản	156,918,801,421
Doanh thu Hợp đồng XD	61,874,063,498
Doanh thu chuyển nhượng quyền kinh doanh bất động sản	-
Doanh thu hoạt động chứng khoán	35,099,360,643
Các khoản giảm trừ doanh thu	-
Hàng bán bị trả lại	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	457,916,731,158

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Từ 01/10/2010 đến 31/12/2010 VND
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	154,284,931,008
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	15,688,226,235
Giá vốn hoạt chuyển nhượng bất động sản	83,569,426,665
Giá vốn hoạt động XD	57,414,688,154
Doanh thu chuyển nhượng quyền kinh doanh bất động sản	-
Giá vốn hoạt động kinh doanh chứng khoán	69,119,622,490
	380,076,894,552

25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/10/2010 đến 31/12/2010 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	68,908,638,475
Lãi đầu tư cổ phiếu, trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu	89,992,544,600
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-
Doanh thu tài chính khác	10,914,450,580
	169,815,633,655

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/10/2010 đến 31/12/2010 VND
Lãi tiền vay	18,621,513,876
Dự phòng các khoản đầu tư	-
Chi phí tài chính khác	16,678,109,324
	35,299,623,200

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI DƯƠNGSố 4 Láng Hạ, quận Ba Đình
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/10/2010 đến ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***27. LỢI NHUẬN KHÁC**

	Từ 01/10/2010 đến 31/12/2010 VND
Thu nhập khác	6,988,314,878
Chi phí khác	(7,424,188,391)
Lãi (lỗ) từ hoạt động khác	(435,873,513)

28. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Từ 01/10/2010 đến 31/12/2010 VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (cho cổ đông sở hữu cổ phiếu của công ty mẹ)	154,679,413,465
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	250,000,000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	619

29. CÁC KHOẢN CAM KẾT

Công ty và Công ty Cổ phần Licogi 19 cam kết sẽ thành lập Liên danh hợp tác đầu tư để thực hiện dự án “Xây dựng Tòa nhà hỗn hợp - văn phòng thương mại và nhà ở” tại đường Lê Văn Lương, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội trong các năm tiếp theo.

Theo hợp đồng hợp tác ba bên giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương, Công ty TNHH VNT và Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (Vinaconex), Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương và/hoặc Công ty TNHH VNT (hoặc một bên do hai bên chỉ định) sẽ mua lại 7.000.000 cổ phần của Vinaconex trong Công ty Cổ phần Đầu tư Đại Dương Thăng Long.

Công ty cam kết sẽ góp vốn cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương để Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương thực hiện dự án “Xây dựng nhà chung cư” tại phường Hạ Đình, quận Thanh Xuân, Hà Nội theo Hợp đồng hợp tác đầu tư giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương và Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại Dịch vụ Khang Thông. Tổng số vốn góp sẽ tương đương 48,15% vốn góp vào Dự án. Đến ngày 31/12/2010, Công ty đã góp được 64.953.500.000 đồng.

Công ty cam kết góp vốn cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bảo Minh (bên liên quan của Công ty) để thực hiện dự án “Đầu tư xây dựng Nhà ở cao cấp thuộc dự án đầu tư Siêu thị, Văn phòng giao dịch thương mại” tại 317 đường Trường Chinh, quận Thanh Xuân, Hà Nội. Đến ngày 31/12/2010, Công ty đã góp được 66.000.000.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI DƯƠNG

Số 4 Láng Hạ, quận Ba Đình
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/10/2010 đến ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Công ty cam kết góp vốn cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Vneco Hà Nội để thực hiện dự án “Đầu tư xây dựng Tòa nhà hỗn hợp Chung cư, Dịch vụ và Bãi gửi xe - Star City Lê Văn Lương” tại phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội. Tổng giá trị góp vốn là 43.802.400 USD. Số tiền đã góp đến ngày 31/12/2010 là 321.487.752.000 đồng (31/12/2009: 124.100.000.000 đồng).

Cam kết góp vốn cho Công ty TNHH VNT (bên liên quan của Công ty) để thực hiện dự án “Công trình hỗn hợp Nhà ở, Rạp chiếu phim, Văn phòng và Chung cư” tại 19 Nguyễn Trãi, quận Thanh Xuân, Hà Nội. Tổng giá trị góp vốn là 418.620.600.000 đồng. Số tiền đã góp đến ngày 31/12/2010 là 161.172.360.000 đồng (31/12/2009: 205.691.396.000 đồng).

Công ty cam kết sẽ hợp tác đầu tư cùng Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng và Xuất nhập khẩu Việt Nam và các bên có liên quan thành lập một công ty cổ phần để thực hiện dự án “Xây dựng cầu Thủ Thiêm 2” tại thành phố Hồ Chí Minh, sau khi Vinaconex được UBND thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt Dự án này. Phần vốn dự kiến của Công ty trong công ty mới thành lập này là 20%. Số tiền đã chuyển cho Vinaconex đến ngày 31/12/2010 là 2.804.481.484 đồng để thanh toán các chi phí liên quan đến dự án.

30. SỰ KIẾN SAU NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010

Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương đã trả tiền tạm ứng cổ tức năm 2010 với tỷ lệ 10% /cổ phần vào ngày 06/01/2011.

31. SỐ LIỆU SO SÁNH

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01/10/2010 đến ngày 31/12/2010 không có số liệu so sánh của cùng kỳ kế toán năm trước. Số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2009 là số liệu đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam.